TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM BÌNH **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HNGĐ - ST
Ngày 30/01/2023
"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM BÌNH, TỈNH TUYÊN QUANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Dương Văn Tiến

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Tú và ông Nguyễn Tấn Ngợi

Thư ký Toà án: Bà Ma Thị Thủy – Thư ký Toà án nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lâm Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 01 năm 2023 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 35/2022/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2022 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐST – HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Ma Thị S, sinh năm 1989, địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

* *Bị đơn:* Anh Ma Duy H, sinh năm 1987, địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt, đã được tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/10/2022, nội dung bản tự khai, biên bản ghi lời khai, nguyên đơn chị Ma Thị S trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Ma Thị S và anh Ma Duy H qua tự nguyện tìm hiểu đã kết hôn năm 2008, được tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại UBND xã T theo giấy chứng nhận kết hôn số 33 ngày 19/11/2008. Vợ chồng anh chị chung sống cùng gia đình nhà chồng tại thôn M, xã T, huyện Lâm Bình (trước đây là huyện Chiêm Hóa), tỉnh Tuyên Quang, hòa thuận hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã, anh H ghen tuông, nhiều lần chửi bới, đánh đập chị S. Đến tháng 9 năm 2022 anh chị ly thân nhau và kể từ khi ly thân

vợ chồng không có sự quan tâm đối với nhau nữa. Nay xác định tình cảm vợ chồng đã hết, mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, chị S đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Ma Duy H.

- Về con chung: Quá trình chị S và anh H chung sống có 02 con là Ma Duy D, sinh ngày 07/7/2009 và Ma Thị Linh Đ, sinh ngày 14/7/2017. Khi ly hôn chị S đề nghị được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ma Thị Linh Đ và nhất trí để anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ma Duy D. Về cấp dưỡng nuôi con, chị S không đề nghị anh H phải cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Từ khi Tòa án thụ lý vụ án, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên họp hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn anh Ma Duy H đều vắng mặt không có lý do và không có quan điểm, ý kiến gửi đến Tòa án (anh H đã được tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng). Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Ma Thị S vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến, quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết tại Tòa án và không thay đổi, bổ sung gì.

Tòa án đã tiến hành xác minh đối với ông Ma Duy V (là bố đẻ của anh H), ông Ma Duy K – Bí thư Chi bộ thôn M và Công an xã T, xác định anh Ma Duy H có hộ khẩu thường trú tại thôn M, xã T, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang, tuy nhiên hiện nay anh H đã đi làm ăn xa, không có mặt tại gia đình và địa phương, ông V chỉ biết anh H làm việc tại tỉnh Bắc Ninh và không biết cụ thể địa chỉ tạm trú cũng như khi nào anh H mới trở về gia đình, địa phương. Ông V nhận văn bản tố tụng của Tòa án thay cho anh H và cam kết thông báo cho anh Ma Duy H biết về nội dung các văn bản (thông tin qua điện thoại di động cho anh H).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Bình phát biểu quan điểm tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định, bị đơn không thực hiện về quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; các Điều 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ma Thị S, cho chị Ma Thị S được ly hôn anh Ma Duy H; về con chung: Giao cháu Ma Thị Linh Đ, sinh ngày 14/7/2017 cho chị Ma Thị S được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu Ma Duy D, sinh ngày 07/7/2009 cho anh Ma Duy H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Ma Thị S và anh Ma Duy H không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn và có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở; Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết, nên không đề cập xem xét; Về nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết, nên không đề cập xem xét. Về án phí: Chị S phải chịu án phí

dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định; anh H không phải chịu án phí. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật. Về khắc phục kiến nghị vi phạm trong tố tụng: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Ma Thị S khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lâm Bình giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn đối với anh Ma Duy H; Anh Ma Duy H có hộ khẩu thường trú tại thôn M, xã T, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Bình.

Theo cung cấp của Công an xã T, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang và ông Ma Duy V (bố đẻ của anh H) thì anh Ma Duy H có hộ khẩu thường trú tại thôn M, xã T, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang, chung hộ khẩu với gia đình ông V, do ông V làm chủ hộ. Anh H đi làm ăn xa nhưng không thông báo địa chỉ mới nên hiện tại không rõ anh H đang ở đâu, làm gì. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với anh H đến Tòa án để làm việc nhưng anh H vắng mặt không có lý do, anh H đã được thông báo nhưng vẫn không về, đây được xem là trường hợp bị đơn cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Ma Thị S vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Ma Duy H vắng mặt không có lý do (đã được Tòa án triệu tập, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng), Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Ma Thị S và anh Ma Duy H là hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Lâm Bình (trước đây là huyện Chiêm Hóa), tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn chị S và anh H chung sống tại thôn M, xã T, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang, trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không cùng quan điểm sống, xảy ra nhiều cãi vã, vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ trong cuộc sống và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2022 cho đến nay, chị S xác định tình cảm vợ chồng thực sự đã hết và mâu thuẫn đã trầm trọng, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Ma Duy H.

Qua điều tra xác minh xác định thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa chị S và anh H đã rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; thể hiện tại các Biên bản xác minh ngày 21/12/2022 (BL 53, 54, 55) thấy rằng chị S và anh H đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2022 cho đến

nay và kể từ khi ly thân, giữa anh chị không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc nhau nữa, do vậy giữa anh chị không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Ma Thị S, cho chị S được ly hôn anh Ma Duy H.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống giữa chị S và anh H có 02 con chung là Ma Duy D, sinh ngày 07/7/2009 và Ma Thị Linh Đ, sinh ngày 14/7/2017. Khi ly hôn chị S đề nghị được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ma Thị Linh Đ và nhất trí để anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Ma Duy D. Về cấp dưỡng nuôi con, chị S không đề nghị anh H phải cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn. Anh H không có mặt tại gia đình và địa phương, đồng thời cũng không có văn bản gửi đến Tòa án thể hiện quan điểm ý kiến về quyền nuôi dưỡng con; tại biên bản ghi ý kiến của con chung đối với cháu Ma Duy D thể hiện khi bố mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng được bố trực tiếp nuôi dưỡng, mặt khác cháu D đã ở cùng anh H kể từ khi bố mẹ ly thân nhau; do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử giao cháu Ma Thị Linh Đ cho chị Ma Thị S được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu Ma Duy D cho anh Ma Duy H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị S và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn và có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: Không có; Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không đề nghị giải quyết; Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ các Điều 143, 144, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Chị Ma Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định; anh Ma Duy H không phải chịu án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 143, 144, 147; các Điều 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ma Thị S.

1. Về Hôn nhân: Cho chị Ma Thị S được ly hôn anh Ma Duy H.

2. Về con chung: Giao cháu Ma Thị Linh Đ, sinh ngày 14/7/2017 cho chị Ma Thị S được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Giao cháu Ma Duy D, sinh ngày 07/7/2009 cho anh Ma Duy H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Ma Thị S và anh Ma Duy H không phải cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn và có quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Ma Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000[đ] *(ba trăm nghìn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000[đ] *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số 0001553 ngày 24/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Bình (chị S đã nộp đủ tiền án phí). Anh Ma Duy H không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh;*
- *VKSND tỉnh, huyện*
- *Chi cục THA Dân sự huyện;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *UBND xã T (Nơi ĐKKH);*
- *Lưu HS, VP.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Dương Văn Tiến